TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7-HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản số: 727/2026/DSST
Ngày 13/6/2026
Về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7- HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Thịnh Quang Thắng

- Các hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Tuấn Anh

2/ Bà Nghiêm Thị Minh

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Tô Ngọc Lâm - Cán bộ Toà án nhân dân Khu vực 7 - Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Hà Nội: Bà Lê Thị Thuý - sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 7 - Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 231/TLST - DS ngày 05 tháng 02 năm 2026. Về việc Tranh chấp hợp đồng tín dụng. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2026/QĐST-DS ngày 01/6/2026; giữa:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V (V1); Trụ sở: Số H, L, Đ, Hà Nội. Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chủ tịch Hội đồng quản trị; Đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Hồng B – Trưởng phòng xử lý nợ. Đại diện theo uỷ quyền lại: Ông Quán Văn T – Chuyên viên xử lý nợ.

2- Bị đơn: Ông Nguyễn Xuân H, sinh năm 1990; Cư trú: Thôn B, xã T, thành phố Hà Nội.

Có mặt: Ông T.

Vắng mặt: ông H (có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện ngày 25/12/2025 của Ngân hàng TMCP V là nguyên đơn trình bày:**

Ông Nguyễn Xuân H có vay vốn tại Ngân hàng TMCP V theo các Hợp đồng tín dụng, cụ thể: tại Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng số 005-P-6988499 ngày 16/11/2022, có nội dung như sau: Hạn mức cấp tín dụng: 45.000.000 đồng; Mục đích sử dụng: Tiêu dùng; Lãi suất thẻ tín dụng: Theo quy định của V1 theo từng thời kỳ; Sau khi ký kết Hợp đồng nêu trên, Ông Nguyễn Xuân H đã sử dụng số

tiền được V1 cấp hạn mức. Trong suốt quá trình tiêu tiền và thanh toán, Ông Nguyễn Xuân H không có ý kiến gì. Đến ngày 19/02/2024, Ông Nguyễn Xuân H vi phạm nghĩa vụ trả nợ do không thực hiện đúng cam kết thanh toán.

Tạm tính đến ngày 18/04/2026: Tổng số tiền nợ gốc của thẻ: 44.997.750 đồng; Tổng nợ lãi thẻ tín dụng: 55.291.247 đồng; Nợ phí thẻ tín dụng: 1.105.629 đồng; Tổng dư nợ: 100.288.997 đồng; Lãi suất thẻ tín dụng: 39.48%

Ông Nguyễn Xuân H còn nợ V1 tổng số tiền tạm tính đến 18/04/2026: Tổng số tiền nợ gốc của thẻ:44.997.750 đồng; Tổng nợ lãi thẻ tín dụng: 55.291.247 đồng; Nợ phí thẻ tín dụng: 1.105.629 đồng; Tổng dư nợ: 100.288.997 đồng;

Nay quan điểm của Ngân hàng: Buộc Ông Nguyễn Xuân H phải thanh toán cho V1 toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả và lãi phát sinh liên quan theo các Hợp đồng tín dụng dụng đã ký với V1. Buộc Ông Nguyễn Xuân H phải chịu lãi suất theo các Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến ngày Ông Nguyễn Xuân H thực tế thanh toán hết khoản nợ cho V1. Ông Nguyễn Xuân H phải chịu toàn bộ án phí và các chi phí liên quan (nếu có).

* **Ông Nguyễn Xuân H trình bày**: Sau khi nghiên cứu nội dung khởi kiện của Ngân hàng TMCP V (V1), ông có yêu cầu như sau:

- Đối với yêu cầu thanh toán toàn bộ số tiền nợ tạm tính đến ngày 10/12/2025 là 90.077.136 đồng:

Ông xác nhận có sử dụng thẻ tín dụng của V1. Tuy nhiên ông không đồng ý với toàn bộ số tiền mà ngân hàng yêu cầu thanh toán. Lý do: Ông chưa được cung cấp đầy đủ tài liệu chứng minh chi tiết số tiền nợ, sao kê cụ thể quá trình sử dụng nguồn tiền trong thẻ, chưa rõ các phần tiền gốc, tiền lãi và các khoản phí khác được tính thế nào? Ông đề nghị Tòa án yêu cầu nguyên đơn cung cấp: Sao kê chi tiết, cụ thể từ khi thẻ tín dụng bắt đầu hoạt động. Có bảng tính cụ thể tiền gốc, lãi phí. Đồng thời đề nghị Tòa án xem xét điều chỉnh lại số tiền phải thanh toán theo đúng quy định pháp luật.

Đối với yêu cầu tiếp tục tính lãi theo đề nghị của ngân hàng

Ông không đồng ý với việc tiếp tục tính lãi theo đề nghị của ngân hàng nếu không có căn cứ rõ ràng và tuân thủ quy định pháp luật. Đề nghị Tòa án xem xét mức lãi suất áp dụng có phù hợp quy định hay không, có đang áp dụng vi phạm và cách tính lãi chồng lãi hay không?

Đối với yêu cầu chịu án phí

Đề nghị giảm nghĩa vụ án phí theo đúng quy định pháp luật vì hiện tại điều kiện kinh tế khó khăn, công việc tự làm tự ăn không ổn định, tài sản nhà cửa, xe cộ không có.

Nay quan điểm của ông : Ông có thiện chí giải quyết và không trốn tránh nghĩa vụ, tuy nhiên do hoàn cảnh kinh tế còn khó khăn, ông đề nghị: Xem xét giảm toàn bộ lãi và các khoản phí, giảm án phí. Tạo điều kiện thanh toán dần theo

khả năng thực tế do với tình hình kinh tế hiện tại và không có bất cứ tài sản đất đai, xe cộ nào có thể bán đề thanh toán một lần.

Tại phiên tòa:

* Nguyên đơn trình bày: Nay quan điểm của Ngân hàng: Buộc Ông Nguyễn Xuân H phải thanh toán cho V1 toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả và lãi phát sinh liên quan theo các Hợp đồng tín dụng dụng đã ký với V1 cụ thể tính đến ngày 13/6/2026 là : nợ gốc của thẻ: 44.997.750 đồng; nợ lãi thẻ tín dụng: 63.345.692 đồng; Nợ phí thẻ tín dụng: 1.105.629 đồng; Tổng dư nợ: 109.449.071 đồng; Buộc Ông Nguyễn Xuân H phải chịu lãi suất theo các Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến ngày Ông Nguyễn Xuân H thực tế thanh toán hết khoản nợ cho V1. Ông Nguyễn Xuân H phải chịu toàn bộ án phí và các chi phí liên quan (nếu có).

+ **Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Hà Nội tham gia phiên tòa**:

- Tòa án đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của BLTTDS.

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng nguyên đơn, bị đơn và người tham gia tố tụng khác đã chấp hành các quy định của BLTTDS.

Đề nghị: Căn cứ Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2005; Nghị quyết số 01/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 26 và khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 2 Nghị quyết số 103 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Điều 159 của BLTTDS 2011; Điều 155, 429 BLTTDS 2015; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án đề nghị HĐXX xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn.

- Buộc Ông Nguyễn Xuân H phải thanh toán cho V1 toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả và lãi phát sinh liên quan theo các Hợp đồng tín dụng dụng đã ký với V1 cụ thể tính đến ngày 13/6/2026 là : nợ gốc của thẻ: 44.997.750 đồng; nợ lãi thẻ tín dụng: 63.345.692 đồng; Nợ phí thẻ tín dụng: 1.105.629 đồng; Tổng dư nợ: 109.449.071 đồng; Buộc Ông Nguyễn Xuân H phải chịu lãi suất theo các Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến ngày Ông Nguyễn Xuân H thực tế thanh toán hết khoản nợ cho V1.

- Về án phí: Ông H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về thủ tục tố tụng***:

[1.1] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc lãi còn thiếu theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng số 005-P-6988499 ngày 16/11/2022. Bị đơn hiện đang cư trú tại thôn B, xã T, thành phố Hà Nội. Do đó đây là tranh chấp Hợp đồng dân sự nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1

Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Hà Nội.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: ông Nguyễn Xuân H đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử tiếp tục đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông H theo quy định là phù hợp với Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Trong quá trình giải quyết vụ án các bên đều thống nhất, thể hiện ông Nguyễn Xuân H và Ngân hàng TMCP V có ký kết Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng số 005-P-6988499 ngày 16/11/2022, có nội dung như sau: Hạn mức cấp tín dụng: 45.000.000 đồng; Mục đích sử dụng: Tiêu dùng; Lãi suất thẻ tín dụng: Theo quy định của V1 theo từng thời kỳ;

Hội đồng xét xử nhận thấy: Các bên đều không có ý kiến gì về việc ký kết hợp đồng, quá trình thực hiện giải ngân. Hợp đồng này khi ký kết các bên đều đầy đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của Bộ luật dân sự và không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật nên các bên có quyền, nghĩa vụ phải thực hiện.

Theo bảng kê gốc tính đến này 13/6/2026, số tiền gốc ông Nguyễn Xuân H chưa trả cho N là 44.997.750 đồng. Trong quá trình giải quyết ông H đã được Ngân hàng cung cấp các tài liệu chứng cứ về việc sử dụng thẻ và số tiền gốc của ông Nguyễn Xuân H. Ông H thừa nhận có sử dụng thẻ nhưng chưa nộp tiền. Ông H không cũng cấp các tài liệu về việc ông chỉ sử dụng số tiền gốc là bao nhiêu. Vì vậy vậy bảng kê gốc của Ngân hàng là có căn cứ. Do đó, xác định số tiền gốc ông Nguyễn Xuân H chưa trả cho N là 44.997.750 đồng và buộc ông H phải trả số tiền gốc cho Ngân hàng.

[2.2] Đối với việc tính lãi, phí: Theo bảng kê lãi tính đến ngày 13/6/2026 thì ông Nguyễn Xuân H còn nợ số tiền lãi, phí chưa trả là: nợ lãi thẻ tín dụng: 63.345.692 đồng; Nợ phí thẻ tín dụng: 1.105.629 đồng.

Ông Nguyễn Xuân H cho rằng không đồng ý với việc tiếp tục tính lãi theo đề nghị của ngân hàng nếu không có căn cứ rõ ràng và tuân thủ quy định pháp luật. Đề nghị Tòa án xem xét mức lãi suất áp dụng có phù hợp quy định hay không, có đang áp dụng vi phạm và cách tính lãi chồng lãi hay không.

Hội đồng xét xử xét thấy: Theo Quyết định số 800/2022/QĐ-GĐK ngày 20/10/2022 về việc ban hành điều chỉnh lãi suất thẻ tín dụng của khối khách hàng cá nhân tại V1 thể hiện mức lãi suất đối với khoản vay của ông H là 3.29%/tháng (39.48%/năm). Đối chiếu với bản sao kê của Ngân hàng thì việc tính lãi và phí của Ngân hàng là hoàn toàn có căn cứ nên được chấp nhận.

Như vậy, cần buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả nguyên đơn tổng số tiền cả gốc và lãi trên. Kể từ ngày 14/6/2026, bị đơn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh trên dư nợ gốc của Hợp đồng tín dụng và thẻ tín dụng đã ký cho đến khi trả hết nợ.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7-Hà Nội tham gia phiên tòa hoàn toàn có căn cứ và phù hợp các quy định của pháp luật.

[4] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tổng số tiền nợ gốc và lãi được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí. Hoàn trả nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự đều có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

* Căn cứ vào: Các Điều: 117, 119, 327, 465, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 157, 158, Điều 271, 273, 277 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V đối với ông Nguyễn Xuân H về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

2. Xác định số tiền gốc, lãi ông Nguyễn Xuân H còn nợ Ngân hàng TMCP V2 tính đến ngày 13/6/2026 là : nợ gốc của thẻ: 44.997.750 đồng; nợ lãi thẻ tín dụng: 63.345.692 đồng; Nợ phí thẻ tín dụng: 1.105.629 đồng; Tổng dư nợ: 109.449.071 đồng theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng số 005-P-6988499 ngày 16/11/20224.

3. Buộc ông Nguyễn Xuân H phải trả nợ cho Ngân hàng TMCP V số tiền gốc lãi tính đến ngày 13/6/2026 là : nợ gốc của thẻ: 44.997.750 đồng; nợ lãi thẻ tín dụng: 63.345.692 đồng; Nợ phí thẻ tín dụng: 1.105.629 đồng; Tổng dư nợ: 109.449.071 đồng. Kể từ ngày 14/6/2026, bị đơn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh trên dư nợ gốc của Hợp đồng tín dụng và thẻ tín dụng đã ký cho đến khi trả hết nợ.

4. Về án phí:

4.1. Ông Nguyễn Xuân H phải chịu **5.450.000** đồng tiền án phí để sung vào ngân sách Nhà nước.

4.2. Hoàn trả Ngân hàng TMCP V số tiền 2.251.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0002897 ngày 30/01/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hà Nội.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Án xử công khai, sơ thẩm. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Thịnh Quang Thắng

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND.KV7-HN;*
- *TAND TP. Hà Nội;*
- *THADS TP . Hà Nội;*
- *Lưu hồ sơ vụ án*